



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 33 + 34

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 26-12-2024- Quyết định số 129/2024/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 86/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung nhiệm vụ và chế độ thù lao cho cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình để thực hiện thêm nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại tổ dân phố, khu phố, ấp trên địa bàn Thành phố. 4
- 26-12-2024- Quyết định số 130/2024/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 6

- 26-12-2024- Quyết định số 131/2024/QĐ-UBND về việc sửa đổi tên gọi và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Đường sắt đô thị. 9
- 27-12-2024- Quyết định số 132/2024/QĐ-UBND bãi bỏ một phần Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý và sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 12

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

- 18-12-2024- Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận 6. 14
- 23-12-2024- Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận 6. 26

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11

- 19-12-2024- Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 11. 38

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

- 17-12-2024- Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú. 50

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

04-12-2024- Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Quận 9, quận Thủ Đức ban hành.

61

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

25-12-2024- Chỉ thị số 18/CT-UBND về việc đẩy mạnh thi đua “Nâng cao chất lượng - bứt phá mục tiêu” thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI và các ngày lễ lớn năm 2025.

67

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 129/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 86/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung nhiệm vụ và chế độ thù lao cho cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình để thực hiện thêm nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại tổ dân phố, khu phố, ấp trên địa bàn Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng

5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 24520/TTr-SLĐTBXH ngày 02 tháng 10 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 6144/BC-STP ngày 23 tháng 9 năm 2024 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 86/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung nhiệm vụ và chế độ thù lao cho cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình để thực hiện thêm nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại tổ dân phố, khu phố, ấp trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Diệu Thúy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 130/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một

số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 13094/TTr-STNMT-CTR ngày 06 tháng 12 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 8226/BC-STP-VB ngày 05 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

“3. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng”.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 8 Điều 15 Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025. Các nội dung khác của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị và hiệu lực thi hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện, thành phố Thủ Đức, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 131/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi tên gọi và sửa đổi, bổ sung một số điều của
Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Ban Quản lý Đường sắt đô thị

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6
năm 2020;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ
quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ về sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây
dựng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về Quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Đường sắt đô thị tại Tờ trình số 3728/TTr-BQLĐSĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024; của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 10481/TTr-SNV ngày 24 tháng 12 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 8353/BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2024; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi tên gọi của Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND

Sửa đổi tên gọi của Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Đường sắt đô thị thành “Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Đường sắt đô thị”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND

Sửa đổi, bổ sung cụm từ “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Đường sắt đô thị” thành “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Đường sắt đô thị”.

Điều 3. Sửa đổi tên gọi và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Đường sắt đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND

1. Sửa đổi tên gọi Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Đường sắt đô thị thành “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Đường sắt đô thị”.

2. Sửa đổi khoản 18 Điều 3 như sau:

“18. Tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì tài sản kết cấu đường sắt đô thị được Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao theo quy định của pháp luật”.

3. Bổ sung khoản 19 Điều 3 như sau:

“19. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công hoặc ủy quyền bằng văn bản.”.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Ban Quản lý Đường sắt đô thị, Thủ trưởng sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 132/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ một phần Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
ban hành Quy định về quản lý và sử dụng tạm thời một phần lòng đường,
hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Thực hiện Kết luận số 77/KL-KTrVB ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Cục Kiểm

tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo địa bàn tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 17123/TTr-SGTVT ngày 16 tháng 12 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 8244/BC-STP ngày 05 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ một phần Quyết định

Bãi bỏ khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Quy định về quản lý và sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2024/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 18 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận 6**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban

hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 07 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức (Quy chế mẫu) của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân các quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 879/TTr-QLĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024; ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1853/BC-TP ngày 16 tháng 12 năm 2024 và ý kiến của Phòng Nội vụ tại Công văn số 1121/NV ngày 28 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận 6.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2024. Quyết định này thay thế Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 6 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận 6.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Nội vụ quận 6, Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận 6, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thanh Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức
của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận 6

(Kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân quận 6)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận 6.

2. Đối tượng điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận 6; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận 6.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị, quản lý xây dựng ngầm đô thị; cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở (nhà ở riêng lẻ, nhà chung cư); công sở; vật liệu xây dựng; giao thông và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6.

2. Phòng Quản lý đô thị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng

theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận 6, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng và Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

3. Trụ sở làm việc của Phòng Quản lý đô thị đặt tại số 107 đường Cao Văn Lầu, Phường 1, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

NHIỆM VỤ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận:

a) Dự thảo quyết định, quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hằng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng, quy hoạch, giao thông vận tải trên địa bàn;

b) Dự thảo chương trình, giải pháp huy động, phối hợp liên ngành trong thực hiện công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn;

c) Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

d) Dự thảo quyết định phân loại đường trên địa bàn quận theo quy định của pháp luật;

đ) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản lý đô thị.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 dự thảo các văn bản về lĩnh vực phụ trách thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 theo phân công.

3. Lĩnh vực giao thông vận tải:

a) Tổ chức thực hiện và theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình và các văn bản khác về giao thông vận tải sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa địa phương

đang khai thác do Quận chịu trách nhiệm quản lý;

c) Quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm công trình giao thông, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải tỏa lấn chiếm hành lang an toàn giao thông trên địa bàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành, Sở Giao thông vận tải và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận 6;

đ) Phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không xảy ra trên địa bàn;

e) Giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của Phòng Quản lý đô thị theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận 6;

g) Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, thông tin về giao thông vận tải và các dịch vụ công trong lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

4. Lĩnh vực xây dựng:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án và các văn bản khác trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 6 trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ các lĩnh vực: quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; kết cấu hạ tầng giao thông; nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện lập quy chế quản lý kiến trúc, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị theo phân công, phân cấp và ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban

nhân dân quận 6;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình đã được cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

đ) Thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (đối với dự án có công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn khác) theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 6 lập chương trình phát triển đô thị; phối hợp trong quá trình lập, thẩm định chương trình phát triển đô thị; tham gia lập đề án công nhận đô thị loại V trên địa bàn;

g) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt, hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân quận 6 tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 6 tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về nhà ở và công sở; tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở, công sở trên địa bàn;

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các công trình theo quy chế quản lý kiến trúc, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức công bố, công khai các quy hoạch xây dựng; cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng; quản lý các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng trên địa bàn theo phân cấp;

k) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy định về hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận 6;

l) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị) do Quận chịu trách nhiệm quản lý.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận 6 quản lý nhà nước đối với các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn hoạt động đối với các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn hoạt động đối với các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực phụ trách trên địa bàn theo quy

định của pháp luật.

6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực quản lý của Phòng Quản lý đô thị cho cán bộ, công chức phường trên địa bàn.

7. Tổ chức ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Quản lý đô thị.

8. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật và thực hiện các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng Quản lý đô thị; báo cáo Ủy ban nhân dân quận 6 xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm các quy định thuộc lĩnh vực phụ trách; giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong ngành theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận 6.

9. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận 6, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

10. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân quận 6.

11. Quản lý, tổ chức sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản, các phương tiện làm việc và ngân sách được giao của Phòng Quản lý đô thị theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân quận 6.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Quản lý đô thị hoạt động theo chế độ Thủ trưởng. Phòng Quản lý đô thị

có Trưởng phòng, không quá 02 (hai) Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào hình hình thực tế số lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của Phòng Quản lý đô thị cho phù hợp và đúng quy định.

2. Trưởng phòng là người đứng đầu Phòng Quản lý đô thị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Quản lý đô thị và các công việc được Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí gây thiệt hại trong tổ chức đơn vị thuộc quyền quản lý của mình; có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc và Sở Giao thông vận tải về tổ chức, hoạt động của Phòng Quản lý đô thị; báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân quận 6 khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội cấp quận giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Quản lý đô thị.

3. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt 01 (một) Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế công chức

1. Biên chế công chức của Phòng Quản lý đô thị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Quản lý đô thị phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức; gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tại Phòng Quản lý đô thị.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Phòng Quản lý đô thị làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận 6, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.
2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Quản lý đô thị chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế làm việc của Phòng.
3. Trưởng phòng Quản lý đô thị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6, pháp luật về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về lĩnh vực Quản lý đô thị trên địa bàn quận và các công việc được Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 phân công hoặc ủy quyền.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.
2. Sau khi họp giao ban lãnh đạo phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.
3. Căn cứ vào chương trình công tác hàng năm, hàng tháng của Ủy ban nhân dân quận 6 và yêu cầu giải quyết công việc, Trưởng phòng tổ chức họp toàn thể cán bộ, công chức một lần trong tháng.
4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo trực tiếp phê duyệt.
5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động, chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở quản lý ngành, lĩnh vực:

Phòng Quản lý đô thị chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Xây dựng; Sở Quy hoạch Kiến trúc và Sở Giao thông vận tải, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở. Phối hợp, cử công chức tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra liên quan lĩnh vực Quản lý đô thị tại Quận 6 khi có yêu cầu.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận 6:

Phòng Quản lý đô thị chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận 6 về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận 6:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận 6, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của quận 6. Trong trường hợp Phòng Quản lý đô thị chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng phòng Quản lý đô thị tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 6:

a) Phòng Quản lý đô thị phối hợp và hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, ban - ngành, đoàn thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 6 có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày hoặc trình Ủy ban nhân dân quận 6 giải quyết các yêu cầu theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân phường thực hiện

các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng Quản lý đô thị;

b) Hướng dẫn cán bộ công chức phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng Quản lý đô thị quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy định này, Trưởng phòng Quản lý đô thị chịu trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị trên địa bàn Quận 6.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp Phòng Quản lý đô thị để thực hiện đúng nội dung Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì Trưởng phòng Quản lý đô thị nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2024/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức
của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận 6**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính Phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức (quy chế mẫu) của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 2542/TTr-TCKH ngày 20 tháng 12 năm 2024; ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1876/BC-TP ngày 20 tháng 12 năm 2024 và ý kiến của Phòng Nội vụ tại Công văn số 1219/NV ngày 20 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Ban hành Quy định**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận 6.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2024. Quyết định này thay thế Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận 6 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận 6.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Nội vụ quận 6, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 6, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Lê Thị Thanh Thảo**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của
Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận 6
(Kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân quận 6)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 (gọi tắt là Phòng Tài chính - Kế hoạch).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận 6; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận 6.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách; quy hoạch trên địa bàn quận 6; kế hoạch và đầu tư; đăng ký hộ kinh doanh; đăng ký hợp tác xã; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận 6, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trụ sở làm việc của Phòng Tài chính - Kế hoạch đặt tại số 107 đường Cao Văn Lầu, Phường 1, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

NHIỆM VỤ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận 6:

a) Dự thảo đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận 6, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Dự thảo quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hằng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao;

c) Dự thảo các quyết định, văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật và các quy định của Ủy ban nhân dân quận, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính về công tác kế hoạch và đầu tư, tài chính - ngân sách trên địa bàn;

d) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận 6.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 dự thảo các văn bản về lĩnh vực tài chính - ngân sách thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 theo phân công.

3. Lĩnh vực kế hoạch, đầu tư:

a) Lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 quản lý; thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định đầu tư; thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu

cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân quận 6 làm chủ đầu tư;

b) Cung cấp thông tin, phối hợp xúc tiến đầu tư, phối hợp với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn quận; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kế hoạch và đầu tư phường;

c) Về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân:

Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; cấp hoặc từ chối cấp đăng ký giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; hướng dẫn hợp tác xã, hộ kinh doanh và người thành lập hợp tác xã, hộ kinh doanh về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh;

Phối hợp xây dựng quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh trong phạm vi địa phương; thu thập; lưu trữ, rà soát và quản lý thông tin về đăng ký hộ kinh doanh; thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký hộ kinh doanh tại địa phương vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh;

Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, trên địa bàn quận;

Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hợp tác xã, hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Lĩnh vực tài chính, ngân sách:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc quận, Ủy ban nhân dân các phường xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân quận 6 theo quy định;

b) Là đầu mối tổng hợp, lập dự toán chi ngân sách quận và ngân sách phường, phương án phân bổ ngân sách quận trình Ủy ban nhân dân quận; điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc trong phạm vi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân quận; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, thực hiện chế độ kế toán của Ủy ban nhân dân phường, tài chính hợp tác xã, tài chính kinh tế tập thể và các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp của nhà nước thuộc quận.

d) Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân quận quản lý (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 có quy định khác) và dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách Ủy ban nhân dân phường khi có đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách phường; lập quyết toán thu, chi ngân sách quận; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận và quyết toán thu, chi ngân sách quận (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách quận và quyết toán thu, chi ngân sách phường) báo cáo Ủy ban nhân dân quận 6 để trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn;

e) Quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phân cấp của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thẩm định, có ý kiến đối với các nhiệm vụ do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc quận xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; tổ chức thực hiện các quyết định về hình thành, sử dụng, xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc quận giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Làm chủ tài khoản tạm giữ quản lý số tiền thu được từ xử lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

h) Quản lý giá theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn; tổ chức thực hiện tiếp nhận kê khai giá theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật; chủ trì thực hiện thẩm định giá đối với tài sản nhà nước địa phương theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố; chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ định giá tài sản trong tố tụng hình sự và thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá của nhà nước theo quy định của pháp luật;

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc chấp

hành pháp luật tài chính - ngân sách; giúp Ủy ban nhân dân quận 6 giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật;

k) Cấp phát, thanh toán, thẩm định quyết toán kinh phí cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

l) Lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị dự toán cấp 1 theo quy định tại Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên để nộp về Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao theo quy định pháp luật.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

7. Tổng hợp và báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

8. Quản lý và chịu trách nhiệm về cán bộ, công chức, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận 6.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận 6 và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch hoạt động theo chế độ Thủ trưởng. Phòng Tài chính - Kế hoạch có Trưởng phòng, không quá 02 (hai) Phó Trưởng phòng và các

công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào tình hình thực tế số lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch cho phù hợp và đúng quy định.

2. Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch:

a) Trưởng phòng là người đứng đầu Phòng Tài chính - Kế hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, pháp luật về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài chính - Kế hoạch và các công việc được Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

b) Báo cáo với Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tổ chức, hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội quận giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của phòng.

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế công chức

1. Biên chế công chức của Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức; gắn tình hình biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tại Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận 6, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch ban hành và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế làm việc của Phòng.

3. Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6, pháp luật về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch trên địa bàn quận và các công việc được Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 phân công hoặc ủy quyền.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức Phòng một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện về báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận 6:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận 6 về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận 6 về mặt công tác được phân công.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận 6:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận 6, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận 6. Trong trường hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp giải quyết công việc, trường hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác. Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận 6 tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của quận 6:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của quận 6 có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận 6 giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức Tài chính - Kế toán phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy định này, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch trên địa bàn Quận 6.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch để thực hiện đúng nội dung Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì Trưởng Tài chính - Kế hoạch nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2024/QĐ-UBND

Quận 11, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức
của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 11**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số

59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức (Quy chế mẫu) của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 2184/TTr-TCKH ngày 31 tháng 10 năm 2024 và của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 2573/TTr-NV ngày 05 tháng 12 năm 2024, ý kiến của Phòng Tư pháp về kết quả thẩm định tại Báo cáo số 843/BC-TP ngày 30 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Ban hành Quy định**

Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 11.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2024. Quyết định này thay thế Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 11.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Trần Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức
của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 11
(Kèm theo Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Quận 11)

CHƯƠNG I

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 11.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Quận 11.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 11, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách; quy hoạch trên địa bàn quận; kế hoạch và đầu tư; đăng ký hộ kinh doanh; đăng ký hợp tác xã; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản

riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận:

a) Dự thảo đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Dự thảo quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hằng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao;

c) Dự thảo các quyết định, văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật và các quy định của Ủy ban nhân dân quận, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính về công tác kế hoạch và đầu tư, tài chính - ngân sách trên địa bàn;

d) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận dự thảo các văn bản về lĩnh vực tài chính - ngân sách thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo phân công.

3. Lĩnh vực kế hoạch, đầu tư:

a) Lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc Ủy ban nhân dân quận quản lý; thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định đầu tư; thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân quận làm chủ đầu tư;

b) Cung cấp thông tin, phối hợp xúc tiến đầu tư, phối hợp với các phòng chuyên

môn, nghiệp vụ có liên quan tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn quận; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kế hoạch và đầu tư phường;

c) Về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân:

Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; cấp hoặc từ chối cấp đăng ký giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; hướng dẫn hợp tác xã, hộ kinh doanh và người thành lập hợp tác xã, hộ kinh doanh về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh;

Phối hợp xây dựng quản lý, vận hành Hệ thống thông tin đăng ký hợp tác xã, đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn Quận 11; thu thập; lưu trữ, rà soát và quản lý thông tin về đăng ký hộ kinh doanh; thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh tại địa phương vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh;

Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, trên địa bàn quận;

Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hợp tác xã, hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Lĩnh vực tài chính, ngân sách:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc quận, Ủy ban nhân dân phường xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân quận theo quy định;

b) Về lập dự toán:

Phòng Tài chính - Kế hoạch: là đầu mối tổng hợp, lập dự toán chi ngân sách quận và ngân sách phường, phương án phân bổ ngân sách quận trình Ủy ban nhân dân quận; điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc trong phạm vi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân quận; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, thực hiện chế độ kế toán của Ủy ban nhân dân phường, tài chính hợp tác xã, tài chính kinh tế tập thể và

các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp của nhà nước thuộc quận;

d) Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân quận quản lý (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có quy định khác) và dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách Ủy ban nhân dân phường khi có đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách phường; lập quyết toán thu, chi ngân sách quận; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận và quyết toán thu, chi ngân sách quận (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách quận và quyết toán thu, chi ngân sách phường) báo cáo Ủy ban nhân dân quận để trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn;

e) Quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Thẩm định, có ý kiến đối với các nhiệm vụ do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc quận xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phân cấp của Hội đồng nhân dân Thành phố; tổ chức thực hiện các quyết định về hình thành, sử dụng, xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc quận giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Làm chủ tài khoản tạm giữ quản lý số tiền thu được từ xử lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật;

g) Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

h) Quản lý giá theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố; kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn; tổ chức thực hiện tiếp nhận kê khai giá theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật; chủ trì thực hiện thẩm định giá đối với tài sản nhà nước địa phương theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố; chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ định giá tài sản trong tố tụng hình sự và thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá của nhà nước theo quy định của pháp luật;

i) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật tài chính - ngân sách; giúp Ủy ban nhân dân quận giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật;

k) Cấp phát, thanh toán, thẩm định quyết toán kinh phí cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

l) Lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị dự toán cấp 1 theo quy định tại Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên đề nộp về Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao theo quy định pháp luật.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

7. Tổng hợp và báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

8. Quản lý và chịu trách nhiệm về cán bộ, công chức, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận.

9. Thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Điều 15 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch hoạt động theo chế độ Thủ trưởng. Phòng Tài chính - Kế hoạch có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào tình hình thực tế số lượng công

việc, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân quận quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch cho phù hợp và đúng quy định.

2. Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch:

a) Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, pháp luật về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài chính - Kế hoạch và các công việc được Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

c) Báo cáo với Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tổ chức, hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch; báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân quận khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội quận giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của phòng.

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế công chức

1. Biên chế công chức của Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức; gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tại Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành chung các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng tổ chức họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo phòng trực tiếp phê duyệt.

4. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên

môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ, đột xuất và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác và các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác và các đơn vị sự nghiệp, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với các đơn vị hợp tác xã, hộ kinh doanh liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn quận:

Trực tiếp hướng dẫn quy trình hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, kiểm tra các hồ sơ pháp lý liên quan đến hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của Nhà nước.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và hỗ trợ về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách, chế độ, thể lệ về lĩnh vực được giao trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân phường kiện toàn, củng cố bộ phận công tác tại địa phương.

6. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội của quận:

Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp và hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, các phòng ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp và các đoàn thể quận thực hiện tốt chế độ, kinh phí để thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước;

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền và có thông báo kết quả giải quyết cho các cơ quan, đơn vị có yêu cầu, kiến nghị theo quy định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quyết định ban hành quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, chế độ làm việc, chế độ phối hợp của Phòng Tài chính - Kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân quận ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2024/QĐ-UBND

Tân Phú, ngày 17 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của
Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP
ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 07 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 tháng 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 tháng 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức (quy chế mẫu) của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 2090/TTr-QLĐT ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp tại Báo cáo số 1865/BC-PTP ngày 08 tháng 11 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Phòng Nội vụ tại Công văn số 2733/NV ngày 15 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Ban hành Quy định**


Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú (gọi tắt là Phòng Quản lý đô thị).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận Tân Phú.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

CHỦ TỊCH**Nguyễn Trần Phú**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị
thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú

(Kèm theo Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc và quan hệ công tác của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

2. Đối tượng điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Phòng Quản lý đô thị; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở (nhà ở riêng lẻ, nhà chung cư); công sở; vật liệu xây dựng; giao thông và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Phòng Quản lý đô thị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Sở Giao thông vận

tài, Sở Xây dựng và Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận:

a) Dự thảo quyết định, quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hằng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng, quy hoạch, giao thông vận tải trên địa bàn;

b) Dự thảo chương trình, giải pháp huy động, phối hợp liên ngành trong thực hiện công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn;

c) Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

d) Dự thảo quyết định phân loại đường bộ theo cấp quản lý là đường quận và đường phường;

đ) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản lý đô thị.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận dự thảo các văn bản về lĩnh vực phụ trách thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo phân công.

3. Lĩnh vực giao thông vận tải:

a) Tổ chức thực hiện và theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình và các văn bản khác về giao thông vận tải sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa địa phương đang khai thác do quận chịu trách nhiệm quản lý;

c) Quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm công trình giao thông, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải tỏa lấn chiếm hành lang an toàn giao thông trên địa bàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành, Sở Giao thông vận tải và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận;

đ) Phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không xảy ra trên địa bàn;

e) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của Phòng Quản lý đô thị theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận;

g) Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, thông tin về giao thông vận tải và các dịch vụ công trong lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

4: Lĩnh vực xây dựng:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án và các văn bản khác trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ các lĩnh vực: quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; kết cấu hạ tầng giao thông; nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện lập quy chế quản lý kiến trúc, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị theo phân công, phân cấp và ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình đã được cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

đ) Thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (đối với dự án có công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn khác) theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận lập chương trình phát triển đô thị; phối hợp trong quá trình lập, thẩm định chương trình phát triển đô thị; tham gia lập đề án công nhận đô thị loại V trên địa bàn;

g) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt, hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân quận tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt

quy hoạch xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về nhà ở và công sở; tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở, công sở trên địa bàn;

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các công trình theo quy chế quản lý kiến trúc, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức công bố, công khai các quy hoạch xây dựng; cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng; quản lý các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng trên địa bàn theo phân cấp;

k) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy định về hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận;

l) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị) do quận chịu trách nhiệm quản lý.

5. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn hoạt động đối với các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn hoạt động đối với các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực phụ trách trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực quản lý của Phòng Quản lý đô thị cho cán bộ, công chức phường trên địa bàn quận.

7. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Quản lý đô thị.

8. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật và thực hiện các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng Quản lý đô thị; báo cáo Ủy ban nhân dân quận xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm các quy định thuộc lĩnh vực phụ trách; giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong ngành theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

9. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến

trúc, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

10. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

11. Quản lý, tổ chức sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản, các phương tiện làm việc và ngân sách được giao của Phòng Quản lý đô thị theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân quận.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Quản lý đô thị hoạt động theo chế độ Thủ trưởng. Phòng Quản lý đô thị có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào tình hình thực tế số lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân quận quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị cho phù hợp và đúng quy định.

2. Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị:

a) Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Quản lý đô thị và các công việc được Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

b) Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải về tổ chức, hoạt động của Phòng Quản lý đô thị; báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân quận khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội quận giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Quản lý đô thị.

c) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt

công tác và chịu trách nhiệm trước Trường phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trường phòng vắng mặt, một Phó Trường phòng được Trường phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng Quản lý đô thị.

d) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trường phòng, Phó Trường phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế công chức

1. Biên chế công chức của Phòng Quản lý đô thị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Quản lý đô thị phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức; gắn tình hình biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tại Phòng Quản lý đô thị.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trường phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trường phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trường phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Phó Trường phòng khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trường phòng khác, Phó Trường phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trường phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trường phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trường phòng trực tiếp yêu cầu các công chức giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trường phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng công chức phải báo cáo cho Phó Trường phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Mỗi tháng họp toàn thể công chức một lần.

3. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của cơ quan; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Mọi quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Quản lý đô thị chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với các Sở - ngành liên quan:

Phòng Quản lý đô thị chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng và Sở Quy hoạch - Kiến trúc liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Phòng, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng và Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Trưởng các Phòng chuyên môn khác, Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân 11 phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân 11 phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn, kiểm tra cán bộ các phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý;

c) Tổ chức giao ban với Ủy ban nhân dân 11 phường về lĩnh vực Phòng phụ trách.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quyết định này, Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị quận có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Phòng Quản lý đô thị, theo đó quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ; nguyên tắc làm việc; chế độ hội họp, cơ chế phối hợp trong công tác của Phòng Quản lý đô thị, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương nhưng không trái với nội dung Quyết định này.

2. Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị quận có trách nhiệm ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ đối với công chức phù hợp với vị trí việc làm gắn với cơ cấu ngạch và chức danh công chức được tuyển dụng theo quy định.

3. Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị quận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, chế độ làm việc, mối quan hệ công tác của Phòng Quản lý đô thị sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi cho phù hợp. / B

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật
do Ủy ban nhân dân Quận 9, quận Thủ Đức ban hành

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung
một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử
lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng Cơ sở dữ liệu
quốc gia về pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ
thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trường phòng Nội vụ thành phố tại Tờ trình số 2019/TTr-NV ngày 29 tháng 11 năm 2024 và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp thành phố tại Báo cáo số 1370/BC-TP ngày 28 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

1. Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc đổi tên ấp thành khu phố, tổ nhân dân thành tổ dân phố đối với phường Long Thạnh Mỹ.

2. Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc đổi tên ấp thành khu phố, tổ nhân dân thành tổ dân phố đối với phường Long Trường.

3. Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc đổi tên ấp thành khu phố, tổ nhân dân thành tổ dân phố đối với phường Long Bình.

4. Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc đổi tên ấp thành khu phố, tổ nhân dân thành tổ dân phố đối với phường Trường Thạnh.

5. Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố Thái Bình II tại phường Long Bình.

6. Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc chia tách tổ dân phố tại khu phố 1 và khu phố 3 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B.

7. Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc chia tách tổ dân phố tại khu phố 2 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B.

8. Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về chia tách, sắp xếp lại khu phố 2 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9.

9. Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc chia tách tổ dân phố tại khu phố 1, khu phố 4 và khu phố 5 thuộc phường Phước Long B.

10. Quyết định số 530/2005/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc công nhận tổ dân phố chia tách thành lập mới.

11. Quyết định số 240/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới.

12. Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới.

13. Quyết định số 242/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới.

14. Quyết định số 243/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới.

15. Quyết định số 244/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới.

16. Quyết định số 245/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới.

17. Quyết định số 1617/2007/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 8, phường Linh Đông.

18. Quyết định số 1654/2007/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 1, phường Linh Trung.

19. Quyết định số 2030/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh.

20. Quyết định số 2031/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh.

21. Quyết định số 202/2008/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 3, phường Linh Chiểu.

22. Quyết định số 203/2008/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 4, phường Linh Chiểu.

23. Quyết định số 204/2008/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 5, phường Linh Chiểu.

24. Quyết định số 350/2008/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh.

25. Quyết định số 994/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc sắp xếp lại các tổ dân phố thuộc khu phố 3, phường Tam Bình.

26. Quyết định số 1565/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 4, phường Hiệp Bình Phước.

27. Quyết định số 1567/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc sắp xếp lại tổ dân phố 1 và tổ dân phố 2 thuộc khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước.

28. Quyết định số 1568/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước.

29. Quyết định số 1566/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố mới thuộc khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước.

30. Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố thuộc khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh.

31. Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố thuộc khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh.

32. Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố thuộc khu phố 9, phường Hiệp Bình Chánh.

33. Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố thuộc khu phố 7, phường Hiệp Bình Chánh.

34. Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 2, tổ dân phố 2A, tổ dân phố 3 thuộc khu phố 2, phường Bình Chiểu.

35. Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 17, tổ dân phố 21 thuộc khu phố 2, phường Bình Chiểu.

36. Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 5, tổ dân phố 5A, tổ dân phố 5B, tổ dân phố 5C thuộc khu phố 2, phường Bình Chiểu.

37. Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 8, tổ dân phố 8B thuộc khu phố 2, phường Bình Chiểu.

38. Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 10, tổ dân phố 10A thuộc khu phố 2, phường Bình Chiểu.

39. Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 12, tổ dân phố 12A thuộc khu phố 2, phường Bình Chiểu.

40. Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 19A, tổ dân phố 19B, tổ dân phố 19C thuộc khu phố 2, phường Bình Chiểu.

41. Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc sắp xếp lại tổ dân phố 23, 24 và 25 thuộc khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh.

42. Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 19, tổ dân phố 19A thuộc khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh.

43. Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 21, tổ dân phố 21A thuộc khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh.

44. Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 23, tổ dân phố 23B thuộc khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh.

45. Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 9, tổ dân phố 9A thuộc khu phố 4, phường Tam Bình.


46. Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 4, tổ dân phố 4A thuộc khu phố 4, phường Tam Bình.

47. Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chia tách, thành lập tổ dân phố 40, tổ dân phố 40A thuộc khu phố 4, phường Linh Chiểu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Trưởng phòng Nội vụ thành phố Thủ Đức, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 34 phường và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Tùng

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2024

CHỈ THỊ

Về việc đẩy mạnh thi đua “Nâng cao chất lượng - bứt phá mục tiêu” thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI và các ngày lễ lớn năm 2025

Năm 2025 là năm diễn ra Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ XI; năm diễn ra nhiều sự kiện kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng, đất nước, dân tộc như: Kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; kỷ niệm 80 năm ngày Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9. Đây cũng là năm có ý nghĩa quan trọng, quyết định việc hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, tạo tiền đề phấn đấu thực hiện kế hoạch 5 năm (2026 - 2030).

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, năm 2025 và phấn đấu hoàn thành Kế hoạch 05 năm (2021 - 2025), quyết tâm thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI và các ngày lễ lớn trong năm 2025 theo Chỉ thị số 39/CT-TTg ngày 15 tháng 10

năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị:

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các cơ quan, đơn vị, Tổng công ty, công ty thuộc Thành phố (viết tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương)

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung thi đua chào mừng các ngày lễ lớn và sự kiện chính trị của đất nước, Thành phố, chào mừng Đại hội Đảng các cấp, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI¹ theo các mốc thời gian cụ thể như sau:

1.1. Giai đoạn từ nay đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 với khẩu hiệu thi đua “Chung sức, đồng lòng - phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024”

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả **04** nội dung thi đua theo Kế hoạch số 8498/KH-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thi đua cao điểm 60 ngày đêm “*Quyết tâm tăng tốc, năng suất gấp đôi*” phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024 của Thành phố Hồ Chí Minh và **05** nội dung thi đua theo Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phát động thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

- Đẩy mạnh tổ chức quán triệt, triển khai đồng bộ, thực hiện có hiệu quả **07** phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động² và **11** phong trào thi đua

¹ Công văn số 1630-CV/TU ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua đặc biệt chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của Thành phố, Đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Kế hoạch số 4680/KH-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phát động thi đua đặc biệt chào mừng các ngày lễ lớn và sự kiện chính trị của đất nước, Thành phố, chào mừng Đại hội Đảng các cấp, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

² Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”; Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”; “Cả nước xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt

theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức phát động³. Đặc biệt, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung, vì sự phát triển Thành phố Hồ Chí Minh của cán bộ, công chức trong phong trào thi đua sáng tạo đặc biệt chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

- Tập trung xây dựng quy định về công tác thi đua, khen thưởng và tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng trong các cấp, các ngành và Nhân dân; đặc biệt là Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các quy định hướng dẫn thi hành⁴. Tuyên truyền, giáo dục về truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất và tinh thần đoàn kết toàn dân tộc nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò của công tác thi đua, khen thưởng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, công trình, dự án thi đua tiêu biểu đã thực hiện hoàn thành đúng tiến độ đăng ký theo Kế hoạch số 3818/KH-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai các chương trình, công trình, dự án thi đua tiêu biểu chào mừng kỷ niệm 50

đời”; Phong trào thi đua “Xóa nhà tạm, nhà dột nát”; Đợt thi đua cao điểm “500 ngày đêm thi đua hoàn thành 3000km đường bộ cao tốc”.

³ Phong trào thi đua “Thanh niên Thành phố khởi nghiệp - lập nghiệp, đổi mới sáng tạo”; Phong trào thi đua “Doanh nghiệp, doanh nhân đổi mới, sáng tạo cùng Thành phố phát triển”; Phong trào thi đua “Cải cách hành chính”; Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung, vì sự phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”; Phong trào thi đua “Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”; Phong trào thi đua thực hiện “Chỉnh trang và phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”; Phong trào thi đua thực hiện “Chỉnh quyền số, Chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”; Phong trào thi đua “Xây dựng văn hóa giao thông an toàn, vì sự phát triển bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh”; Phong trào thi đua “Dân vận khéo, Dân vận chính quyền”; Phong trào thi đua học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW.

⁴ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ;

Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Ban Thường vụ Thành ủy về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) và Công văn số 4830/UBND-VX ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh danh mục các chương trình, công trình, dự án thi đua tiêu biểu cấp Thành phố chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) theo Kế hoạch số 3818/KH-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố.

1.2. Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 4 năm 2025 với khẩu hiệu thi đua “Kỷ cương, trách nhiệm - thực hiện chủ đề năm và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, công trình, dự án thi đua”

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, vai trò, trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể và người đứng đầu, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp trong việc triển khai, tổ chức các nội dung thi đua gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và Kế hoạch 5 năm (2021- 2025)⁵.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua sáng tạo đặc biệt chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025)⁶; có các giải pháp hiệu quả thực hiện hoàn thành đúng hạn **61** chương trình, công trình, dự án thi đua tiêu biểu cấp Thành phố và **1.964** chương trình, công trình, dự án thi đua cấp cơ sở; tổ chức thẩm định, gắn biển công nhận các chương trình, công trình, dự án thi đua chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) và xem xét khen thưởng, đề nghị khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong triển khai thực hiện phong trào thi đua⁷.

⁵ Kế hoạch số 2278/KH-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI tiến tới chào mừng Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

⁶ Kế hoạch số 974/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phát động phong trào thi đua sáng tạo đặc biệt chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

⁷ Hướng dẫn số 7576/HD-SNV ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Sở Nội vụ về công nhận, gắn biển công trình, chương trình, dự án tiêu biểu chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025);

- Tập trung thực hiện tổ chức các hoạt động hướng đến kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025)⁸, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và người dân Thành phố góp phần xây dựng, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt, văn minh - hiện đại - nghĩa tình.

- Tổ chức phát động đợt thi đua đặc biệt đến hết năm 2025 chào mừng các ngày lễ lớn, chào mừng Đại hội đảng các cấp, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, chào mừng Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI, tạo khí thế thi đua sôi nổi và rộng khắp trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, quyết tâm phấn đấu hoàn thành các đề án, chương trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI.

- Xác định rõ nội dung, giải pháp và phương thức tổ chức phong trào thi đua, bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, tập trung giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm, các chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng ngành, từng địa phương, từng lĩnh vực công tác gắn với việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị khóa XII “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Triển khai, tuyên truyền Hội nghị điển hình tiên tiến các cấp⁹, tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI và triển khai về xét chọn Giải thưởng sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 4 - năm 2025 đến các cấp, các ngành, các lĩnh vực và người dân Thành

Hướng dẫn số 02/HD-BTĐKT ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Sở Nội vụ về khen thưởng phong trào thi đua sáng tạo đặc biệt chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

⁸ Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức các hoạt động hướng đến kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025);

Kế hoạch số 5121/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức các hoạt động hướng tới kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

⁹ Kế hoạch số 6272/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến các cấp, tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII (giai đoạn 2025 - 2030).

phố.

1.3. Giai đoạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 với khẩu hiệu thi đua “Đổi mới, sáng tạo - thi đua xây dựng Thành phố trở thành đô thị thông minh”

- Tổng kết phong trào thi đua sáng tạo đặc biệt chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025); tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, hộ gia đình đã có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện phong trào thi đua.

- Tổ chức tốt Hội nghị điển hình tiên tiến cấp trên cơ sở và Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII¹⁰, tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI; tạo động lực, khí thế thi đua sôi nổi trước thềm Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Tập trung đánh giá đúng kết quả tổ chức triển khai các phong trào thi đua, những mô hình hay, nhân tố mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong 05 năm qua, chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2026 - 2030. Thông qua các phong trào thi đua, kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến để động viên, biểu dương, khen thưởng, tạo không khí thi đua sôi nổi, cổ vũ các tập thể, cá nhân phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, quyết tâm phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương¹¹.

- Tổ chức trao Giải thưởng sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 4 - năm 2025 với phương thức đổi mới, sáng tạo nhằm lan tỏa sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn Thành phố. Tuyên truyền, nhân rộng các tập thể, cá nhân tiêu biểu đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua và các mô hình, giải pháp đạt Giải thưởng sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh có sức lan tỏa trong cộng đồng và xã hội¹².

¹⁰ Kế hoạch số 6035/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII (giai đoạn 2025 - 2030).

¹¹ Kế hoạch 4257/KH-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

¹² Kế hoạch số 3954/KH-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tuyên truyền điển hình tiên tiến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025.

1.4. Giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 với khẩu hiệu thi đua “Tăng tốc, bứt phá - hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025”

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, quyết tâm thi đua hoàn thành thắng lợi chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2025 và Kế hoạch 5 năm (2021- 2025) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XI tiến tới chào mừng Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII.

- Triển khai thực hiện hiệu quả chỉ đạo của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân Thành phố về đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua đặc biệt chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của Thành phố, Đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; đặc biệt, tập trung triển khai thực hiện phong trào thi đua xóa nhà tạm, nhà dột nát đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều Thành phố giai đoạn 2021 - 2025.

- Nâng cao chất lượng công tác khen thưởng, tạo chuyển biến mạnh mẽ và thực chất, bảo đảm nguyên tắc khen thưởng chính xác, công khai, công bằng, kịp thời, động viên, giáo dục, nêu gương. Chú trọng khen thưởng người lao động trực tiếp, khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề, nâng tỷ lệ khen thưởng cho tập thể nhỏ, cá nhân lao động trực tiếp.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính trong công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo thực hiện đúng quy trình, quy định theo Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quyết định số 4410/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Sở Nội vụ

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thi đua của Chỉ thị; chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân Thành phố phát động; chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu thực hiện sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để kịp thời biểu dương, tôn vinh nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước trong năm 2024, năm 2025 và kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

- Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Hội nghị điển hình tiên tiến các cấp bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tạo không khí thi đua sôi nổi trong Nhân dân trước thềm Đại hội Đảng bộ các cấp. Tích cực chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII đạt chất lượng, hiệu quả.

2.2. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố, Báo Sài Gòn Giải Phóng và các Báo, Đài thuộc Thành phố: tăng cường các hoạt động thông tin, tuyên truyền sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) và Đại hội Thi đua yêu nước, Đại hội Đảng bộ các cấp. Đổi mới, đa dạng hóa phương thức tuyên truyền tư tưởng về thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; mở các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền về thành quả của các phong trào thi đua, gắn với biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

2.3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố: phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp tăng cường vận động, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, năm 2025 và kế hoạch 5 năm (2021 - 2025), lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Đại hội Thi đua yêu nước Thành phố lần thứ VIII tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI.

2.4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức: có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; chủ động thực hiện nhiệm vụ chủ trì theo các lĩnh vực được phân công phụ trách xem xét, đề nghị khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai, thực hiện các nội dung thi đua của Chi thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng